

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Ân.
2. Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 537/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Bích T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Bích T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2012 bà và ông Trần Văn D chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay tranh cãi đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn D. Về con chung có 01 người tên là Trần Thị Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 05/7/2014 hiện tại do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu tiếp tục nuôi không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Văn D đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương xã P, huyện P, tỉnh C xác định: Bà Trần Bích T và ông Trần Văn D không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Trần Bích T ly hôn với ông Trần Văn D. Giao con chung tên là Trần Thị Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 05/7/2014 cho bà Trần Bích T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Bích T về việc không yêu cầu ông Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Trần Bích T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Văn D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Bích T xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 để xét xử vắng mặt. Ông Trần Văn D vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Trần Bích T và ông Trần Văn D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Trần Bích T và ông Trần Văn D được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay tranh cãi mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Trần Bích T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn D. Ông Trần Văn D đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Trần Văn D không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Bích T và ông Trần Văn D đã và đang trầm trọng, bà Trần Bích T cương

quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Trần Bích T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn D là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Có 01 người tên là Trần Thị Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 05/7/2014 hiện đang do bà Trần Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trần Bích T yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Trần Thị Ngọc T có nguyện vọng muốn chung sống cùng với mẹ là bà Trần Bích T nên việc tiếp tục con chung cho bà Trần Bích T nuôi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Bích T về việc không yêu cầu ông Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Trần Bích T xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Bích T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Bích T ly hôn với ông Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao Trần Thị Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 05/7/2014 cho bà Trần Bích T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Trần Thị Ngọc T đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Bích T về việc không yêu cầu ông Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Bích T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018208, ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước